CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***373 283***	***68 120***	***294 963***			
I		**CẢNG CHÍNH**						**105 848**	**18 922**	**86 926**			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						***39 690***	***18 922***	***20 768***			
1		KDT THANH HÓA	31/08	1208/08	01/09	MINH TÂN 36	CÁM 5A.1	3 500	3 195	305	03/09	PTCB	GIA HẠN L1
2		THAN SÔNG HỒNG	03/09	1077/09	15/09	BN 1858	CỤC XÔ 1C	1 040	264	776	DỞ		
3		THAN MIỀN NAM	29/08	1201/08		VIỆT THUẬN QN-02	CÁM 5A.1	5 950	4 682	1 268	DỞ		
4		ĐIỆN VĨNH TÂN	01/09	1210/08		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.14	29 200	10 781	18 419	DỞ		TTCO: 19.200 - CLM:10.000
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						***66 158***		***66 158***			
1		THAN SÔNG HỒNG	01/08	977/06	10/08	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040			GIA HẠN L3
2		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
3		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
4		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XÔ1C	1 100		1 100		TD	
5		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cám 4b.1	1 200		1 200		TD	
6		KDT BẮC THÁI	29/07	1028/06	31/07	HD 2099	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	29/07	1029/06	31/07	BN 1869	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
8		KDT BẮC THÁI	29/07	1030/06	31/07	BN 2508	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
9		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
10		THẮNG LỢI 6668	18/07	1092/07		THẮNG LỢI 6668	CÁM 6A.14	5 000		5 000			
11		KDT BẮC THÁI		1128/07		BN 1111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
12		KDT BẮC THÁI	30/08	1129/07	31/08	BN 2033	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
13		KDT BẮC THÁI	30/08	1130/07	31/08	BN 2276	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
14		KDT BẮC THÁI	31/07	1134/07		BN 1368	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
15		KDT MIỀN BẮC	01/08	1138/07	16/08	BN 2699	CÁM 1	1 900		1 900		TD	GIA HẠN L1
16		DVVT QUẢNG NINH	13/08	1139-B/08	31/08	BN 0766	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	THAY TBGT SỐ 1139/8 NGÀY 01/8/2025
17		DVVT QUẢNG NINH	01/08	1140/08	16/08	BN 2635	CỤC XÔ 1C	900		900		TD	
18		ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1141/08	16/08	2 518	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
19		ĐT TMDV VINACOMIN	01/08	1142/08	16/08	BN 1348	CỤC XÔ 1C	993		993		TD	
20		CP HÀNG HẢI VN	02/08	1445/08	15/08	BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
21		SÔNG HỒNG	20/08	1146/08	31/08	BN 1809	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
22		KDT BẮC THÁI	06/08	1158/08		BN 0746	CÁM 1	900		900		TD	
23		KDT CẦU ĐUỐNG	14/08	1177/08		BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
24		CẦU ĐUỐNG	15/08	1181/08		BN 1758	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
25		KDT HÀ BẮC	19/08	1186/08		BN 0935	CÁM 6A.1	1 170		1 170		PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
26		THAN SÔNG HỒNG	20/08	1187/08		BN 1799	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
27		KDT BẮC THÁI	22/08	1196/08		BN 1158	CÁM 1	850		850		TD	
28		KDT BẮC THÁI	26/08	1998/08		BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
29		KDT HẢI PHÒNG	30/08	1204/08		BN 2638	CÁM 5A.1	1 923		1 923		PTCB	
30		KDT BẮC THÁI	30/08	1205/08		NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	
31		KDT BẮC THÁI	30/08	1206/08		BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
32		KDT BẮC THÁI	30/08	1207/08		NB 8111	CÁM 1	1 986		1 986		TD	
33		KDT HÀ BẮC	31/08	1209/08		BN 2168	CÁM 6A.1	1 500		1 500		PTCB	
34		DT TM DV	01/09	1215/08		BN 1336	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020		TD	
35		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1217/08		BN 1816	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
36		DVVT QUẢNG NINH	03/09	1218/08		BN 1348	CỤC XÔ 1C	990		990		TD	
37		THAN MIỀN NAM	03/09	1220/08		VINACOMIN CP	CỤC 4A.2	2 700		2 700		TD	
							CÁM 5A.1	5 700		5 700			
38		DT TM DV	03/09	1221/08		BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
39		CATALAN	03/09	1222/08		BN 1589	CỤC 5A.1	1 600		1 600			
40		THAN UÔNG BÍ	03/09	1225/08		BN 1718	CÁM 1	1 000		1 000		TD	
	Tàu chuyển tải							**184 850**	**44 901**	**139 949**			
	Tàu đang làm hàng							***47 000***	***44 901***	***2 099***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/08	1171/08		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	47 000	44 901	2 099	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***137 850***		***137 850***			
1		THAN MIỀN NAM	15/07	1087/07		VIỆT THUẬN 095-01	CÁM 5A.1	4 500		4 500			
								4 100		4 100			
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	01/09	1211/09		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 400		27 400			KDT CP:9.000 - CLM:15.000 - KVCP:3.400
3		ĐIỆN VĨNH TÂN	01/09	1212/09		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 750		28 750			KDT CP: 13.000 - CLM: 5.000 - KVCP:10.750
4		ĐIỆN DUYÊN HẢI	01/09	1213/09		VIỆT THUẬN 075-01	CÁM 6A.14	7 300		7 300			
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/09	1214/09		STAR CITY	CÁM 5A.10	21 300		21 300			
6		ĐIỆN VŨNG ÁNG	03/09	1223/08		VIỆT THUẬN 169	CÁM 5A.10	19 000		19 000			CLM:10.000 - TTCO:9.000
7		ĐIỆN DUYÊN HẢI	03/09	1224/08		VIỆ THUẬN 30-05	CÁM 5B.14	25 500		25 500			KDTCP:14.000 - TTHG:21.500
	KHO G9-HÓA CHẤT							**52 805**	-	**52 805**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***52 805***		***52 805***			
1		NINH BÌNH	16/8	774	31/8	BN - 1666	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
2		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	20/8	840	31/8	BN - 2368	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		NGHỆ TĨNH	21/8	866	31/8	VIỆT TRUNG 69	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
4		CP DVVT QNINH	21/8	882B	31/8	BN - 2339	CÁM 8A	1 850		1 850		TD	
5		CP VT&KD THAN	22/8	915	31/8	HD - 2056	CÁM 8A	1 295		1 295		TD	
6		NINH BÌNH	24/8	999	31/8	QN - 6190	CÁM 8A	1 030		1 030		TD	
7		NINH BÌNH	24/8	1 003	31/8	HD 9766	CÁM 8A	1 970		1 970		TD	
8		COALIMEX	24/8	1005B	31/8	HOÀI SƠN 28	CÁM 8A	3 450		3 450		PT CB	
9		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	24/8	1011B	31/8	HD - 2095	CÁM 8A	1 980		1 980		TD	
10		CP VT&KD THAN	26/8	1 039	31/8	BN - 1826	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
11		CP ĐTTM&DV	26/8	1 041	31/8	HD - 2558	CỤC 1B	2 080		2 080		TD	
12		SÔNG HỒNG	27/8	1 059	31/8	HD - 8262	CÁM 7C	1 972		1 972		TD	
13		CP DVVT QNINH	27/8	654/7	31/8	BN - 0979	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
14		CP DVVT QNINH	27/8	1153/7	31/8	BN - 2286	CÁM 8A	2 500		2 500		TD	
15		HÀ NỘI	28/8	883/7	31/8	BN - 1808	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
16		CẦU ĐUỐNG	28/8	215/7	31/8	BN - 2203	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
17		NINH BÌNH	28/8	1 093	31/8	TB - 1382	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
18		SÔNG HỒNG	28/8	1 096	31/8	BN - 1858	CÁM 7C	1 090		1 090		TD	
19		CP HÀNG HẢI VN	25/7	866/7	31/8	BN - 2633	CÁM 8A	1 837		1 837		TD	
20		CP ĐTTM&DV	28/8	1 100	31/8	PT - 2698	CỤC 1A	1 200		1 200		TD	
21		CP ĐTTM&DV	29/8	1 107	31/8	BN - 1135	CỤC 1B	910		910		TD	
22		COALIMEX	29/8	1 133	31/8	BN - 2056	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
23		CẦU ĐUỐNG	29/8	1 136	31/8	BN - 1856	CÁM 8A	1 200		1 200		TD	
24		CP ĐTTM&DV	29/8	1 138	31/8	BN - 2335	CÁM 8A	1 200		1 200		TD	
25		COALIMEX	29/8	1098/7	31/8	BN - 1296	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
26		CP DVVT QNINH	29/8	1 152	31/8	HD 3833	CÁM 8A	2 310		2 310		TD	
27		CP VT THUỶ	29/8	1 154	31/8	BN - 2013	CÁM 8A	1 972		1 972		TD	
28		MIỀN NAM	29/8	1 155	31/8	HOÀNG ANH 36	CÁM 8A	3 000		3 000		TD	
29		CP HÀNG HẢI VN	29/8	1 157	31/8	BN - 2556	CÁM 8A	1 691		1 691		TD	
30		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠN	31/8	1 210	31/8	NB - 8652	CÁM 8A	4 578		4 578		TD	
31		COALIMEX	01/9	1058/8	15/9	BN - 1758	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
32		CP ĐTTM&DV	01/9	1 156	15/9	BN - 1368	CỤC 1C	1 090		1 090		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**14 780**	**4 297**	**283**			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 09 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm hàng							***4 580***	***4 297***	***283***			
1		VIỆT THUẬN OCEAN (ĐIỆN VĨNH TÂN 1)	03/09	105	13/09	HD 2534	Cám 6a.1	2 380	2 104	276	03/9		
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	03/09	37	17/09	QUANG TRUNG 79	Cám 5a.1	2 200	2 193	7	03/9	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***10 200***					
1		DVVT QUẢNG NINH	03/09	32	17/09	QN 9019	Bùn 3c	2 200		2 200		TD	
2		KDT MIỀN BẮC	03/09	1 178	17/09	NB 8295	Cám 5b.1	2 600		2 600		CBPT	
3		XNK THAN VINACOMIN	03/09	53	17/09	VINACOMIN TĐ 056-03	Cám 5a.1	5 400		5 400		CBPT	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**-**	**-**	**-**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**15 000**		**15 000**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***15 000***		***15 000***			
1		NAM PHI		CLM		MV UNITED SAPPHIRE		15 000		15 000			